TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 162/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 895/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Ông Phạm Đức T, sinh năm 1992; CCCD số: A; nơi thường trú: phường B1, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Phạm Ngọc B, sinh năm 1994, CCCD số B; Thường trú: phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và bà B có địa chỉ cư trú ở phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2022 và trình bày của đương sự thì ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, chung sống đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khác biệt tính tình, quan điểm sống. Vợ chồng đã tìm cách hòa giải, cho nhau cơ hội nhưng không thể giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy sự thỏa thuận của Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: Ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B có 01 con chung tên Phạm Thùy A1, sinh ngày 05/11/2021. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Phạm Ngọc B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

7.000.000 (bảy triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có không có.

[6] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng do ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B mỗi người chịu ½, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T và bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số số 0054547 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thùy A1, sinh ngày 05/11/2021 cho bà Phạm Ngọc B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Phạm Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 (bảy triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Phạm Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Đức T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng do ông Phạm Đức T và bà Phạm Ngọc B mỗi người chịu ½, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T và bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số số 0054547 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Lê Diễm Thúy